

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29/12/2021
“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21/10/2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2021 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1991;

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Chị H có mặt, anh T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Trần Văn T (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau bị đơn không chịu đăng ký kết hôn và sống không có trách nhiệm với vợ, con; có lúc còn đánh vợ; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục chịu đựng thêm nữa nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 03 con chung: Trần Thị Hải Y, sinh ngày 01/01/2010, Trần Gia B, sinh ngày 15/5/2015 và Trần Bảo Ng, sinh ngày 21/11/2019. Khi ly

hôn con còn nhỏ và có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyên đơn cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng cảm thấy không hợp nhau. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa xem xét. Về con chung, khi ly hôn thống nhất giao ba con cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, không có ý kiến gì.

TAND huyện Sông Hình tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất đoàn tụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn 2/4, xã Ealy, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ vợ chồng và áp dụng Điều 16 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết con chung.

[4] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung: Trần Thị Hải Y, sinh ngày 01/01/2010, Trần Gia B, sinh ngày 15/5/2015 và Trần Bảo Ng, sinh ngày 21/11/2019, từ nhỏ đến nay các con đều sống chung với mẹ. Quá trình giải quyết

vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất tiếp tục giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Thị Hải Y cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, giao ba con chung Trần Thị Hải Y, Trần Gia B, Trần Bảo Ng cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 16, Khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Giao con chung Trần Thị Hải Y, sinh ngày 01/01/2010, Trần Gia B, sinh ngày 15/5/2015 và Trần Bảo Ng, sinh ngày 21/11/2019 cho nguyên đơn Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bị đơn Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001039 ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ((mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN

